|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THUYẾT MINH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

**và tưới tiên tiến, tiết kiệm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**Phần I**

**MỞ ĐẦU**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Trong thời gian qua, cùng với xu thế phát triển chung của Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, lĩnh vực thủy lợi đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, hệ thống thủy lợi được đầu tư, nâng cấp ngày càng đồng bộ đảm bảochủ động cấp nước cho 49.400 lúa, 2.000ha rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và 1.900 ha nuôi trồng thủy sản; ngăn mặn, lũ sớm, lũ tiểu mãn cho 13.500ha; tiêu nước cho 7.500 ha đất nông nghiệpgóp phần tăng năng suất và sản lượng ổn định trong nhiều năm liên tục; đồng thờitừng bước mở rộng cấp nước cho sinh hoạt, dịch vụ và công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hiện nay, công tác thủy lợi trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, thiên tai xảy ra ngày càng khốc liệt. Đặc biệt, trong điều kiện tình hình mới hiện nay, yêu cầu đặt ra là phải đồng bộ hạ tầng thủy lợi đáp ứng nhu cầu đa mục tiêu, đa ngành nghề, với định hướng phát triển hạ tầng thủy lợi phải đi trước và theo kịp xu thế phát triển của sản xuất nông nghiệp. Trong đó, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững khả năng phục vụ cho nông nghiệp truyền thống cần định hướng phát triển thủy lợi theo hướng đồng bộ, tiên tiến và hiện đại. Đặc biệt, chú trọng phục vụ các vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn, vùng phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực, vùng chuyển đổi từ đất trồng lúa sang cây trồng cạn; đảm bảo khai thác tối đa quỹ đất sản xuất và tiềm năng, lợi thế của các vùng, miền trên địa bàn tỉnh.

Nhằm hình thành cơ sở pháp lý và hoàn thiện chính sách để triển khai thực hiện Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnhgóp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển thủy lợi đã nêu ở trên, đồng thời là tiền đề để tiếp tục xây dựng các chính sách hỗ trợ sản xuấthướng đến phát triển nền nông nghiệp tiên tiến và hiện đạitrong thời gian tới thì việc xây dựngNghị quyết*“Quy địnhmức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”*làhết sức cần thiết.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

- Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Quyết định số 1788/QĐ-BNN ngày 19/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn phục vụ tái cơ cấu ngành Thủy lợi;

- Chỉ thị số 3837/CT-BNN-TCTL ngày 03/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Tăng cường phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

- Quyết định số 4600/QĐ-BNN-TCTL ngày 13/11/2020của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ huyện đảo Cồn Cỏ), bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến,tiết kiệm nước, cống, kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

**2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Phần II**

**THỰC TRẠNGVÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HẠ TẦNG THỦY LỢI, CÔNG TÁC QUẢN LÝ, KHAI THÁCCÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**I.THỰC TRẠNG HẠ TẦNG THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**1.Tổng quan chung về hạ tầng thủy lợi**

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương, sự nổ lực phấn đấu của chính quyền và nhân dân, với sự huy độngtừ nhiều nguồn vốn: Ngân sách TW, địa phương đầu tư, nhân dân đóng góp, viện trợ Quốc tế... Toàn tỉnh đã triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấptrên 500 công trình thuỷ lợi lớn nhỏ các loại, bao gồm: 124 hồ chứa; 221 đập dâng;259 trạm bơm; 15 cống ngăn mặn và 2.125 km kênh mương các loại.

Nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp chất lượng, hiện đại, điển hình như:Hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn; hệ thống thủy lợi Trúc Kinh; hệ thống thủy lợi La Ngà; hệ thống thủy lợi Hà Thượng; công trình thủy lợi Sa Lung; hệ thống Đá Mài – Tân Kim; cống An Tiêm; hệ thống ngăn mặn, giữ ngọt: Cống Mai Xá, cống Xuân Hòa, cống Đại Độ, cống Vĩnh Phước; cống đập Việt Yên; đập ngăn mặn sông Hiếu; hệ thống thủy lợi Ba Hồ - Bản Chùa; hệ thống các hồ chứa vừa, nhỏ đang được triển khai thi công, nâng cấp.

Các công trình được đầu tư khá đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng trong công tácquản lý, khai thác phát huy tốt hiệu quả, nâng cao năng lực tưới với tần suất đảm bảo tười từ 75% lên 85%. Hệ thống các công trình thủy lợi đã góp phần hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển đa dạng hóa cây trồng, chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, từng bước phục vụ cho phát triển công nghiệp *(cấp nước cho Khu công nghiệp Quán Ngang huyện Gio Linh; nhà máy sắn An Thái huyện Cam Lộ...).*

**2. Thực trạng hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

Cùng với việc đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi lớn, nhiều công trình thủy lợi nhỏ đã được quan tâm đầu tư xây dựngđể khai thác tiềm năng đất đai, ổn định dân sinh, nhất là vùng miền núi và gò đồi.Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 465 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng bao gồm: 88 hồ chứa nước nhỏ, 221 đập dâng, 155 trạm bơm và 1.657km kênh mương cấp 3 và nội đồng cùng với hàng chục ao, hồ, trạm bơm và các công trình trên kênh khác, Một số công trình thủy lợi nhỏ điển hình như: Cù Bai, Lìa, hồ Tân Độ... huyện Hướng Hóa; Tiên Hiên, Tà Lềnh, Khe Cây, Khe Lau, Khe Nghi, Khe Duyên... huyện ĐaKrông; Khe Sến, Định Sơn, 19/5, Khe Đá 1, Đội 8…huyện Cam Lộ.

Các công trình thủy lợi nhỏ đã phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo ở vùng sâu, vùng xa, bỏ lối sống du canh, du cư, hạn chế nạn phá rừng làm rẫy và ổn định an ninh biên giới; ngoài việc cấp nước tưới còn tạo nguồn nước nuôi trồng thuỷ sản; tăng độ ẩm, tăng nguồn nước ngầm phát triển trồng rừng đẩy nhanh phủ xanh đất trống đồi trọc.

Tuy nhiên, hiện nay,các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được đầu tư xây dựng từ lâu, do còn hạn chế về nguồn lực cũng như kỹ thuật, qua thời gian khai thác sử dụng lâu dài cùng với việc thiếu kinh phí tu bổ thường xuyên nên đa phần đã hư hỏng, xuống cấp. Mặt khác, hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp theo phương thức canh tác tiên tiến, tập trung, cánh đồng lớn cũng như công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Đặc biệt, đểkhi triển khai quy hoạch, dồn điền đổi thửa và bố trí hình thành các khu sản xuất tập trung, quy mô lớn, mới sẽ phá vỡ hiện trạng hệ thống thủy lợi nội đồng hiện có. Vì vậy, việc đầu tư đồng bộ công trình từ đầu mối đến mặt ruộng là rất cần thiết, đồng thời phải tăng cường đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng để đáp ứng cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**3.Thực trạng tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Trong thời gian qua, trên địa bàn tỉnh đã dần từng bước đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ sản xuất với tổng diện tích hơn 1.000ha, mang lại hiệu quả rõ rệt, đảm bảo cấp nước, góp phần nâng cao năng suất giá trị sản phẩm và hạn chế rất lớn ảnh hưởng của tình hình hạn hán, thiếu nước thường xảy ra trong những năm gần đây. Trong khuôn khổ dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị và một số chương trình, dự án khác đã xây dựng 06 mô hình “ Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Cam Lộ; 6 mô hình “Sản xuất cây trồng cạn (lạc, ngô) áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm theo hướng hàng hóa” tại huyện Vĩnh Linh và huyện Cam Lộ; mô hình “Sản xuất rau an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm” tại phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà; 02 mô hình “Sản xuất tiêu an toàn áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm” tại xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh và xã Gio Phong, huyện Gio Linh; hệ thống tưới tiết kiệm cho 6,0ha lạc ở xã Triệu Nguyên, huyện Đakrông;mô hình trồng lạc lên luống và tưới rãnh.... Có 25 nhà kính, nhà lưới sản xuất hoa, rau, củ quả chất lượng cao; hơn 200 ha cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu, rau màu các loại… ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm; gần 90 ha cây hồ tiêu được ứng dụng công nghệ cao trong tưới tiết kiệm, chủ động để thâm canh tăng năng suất.

Trong năm 2020-2021 trên địa bàn huyện Cam Lộ, dự án Ba Hồ - Bản Chùa đã đầu tư 05 công trình ứng dụngtưới phun cho 136,9 ha cây trồng cạn, cây dược liệu và cây ăn quả; 07 công trình ứng dụng tưới tiết kiệm cho 555,2 ha cây trồng cạn, cây dược liệu và cây ăn quả, hiện các công trình này đang chuẩn bị bàn giao cho địa phương đưa vào sử dụng.

Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thuộc lĩnh vực thủy lợi đã góp phần tạo chuyển biến tích cực làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, thay đổi bộ mặt nông thôn, giúp các huyện, thị xã chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất tập trung. Tuy nhiên, hiện nay công tác tưới cho các cây trồng cạn chủ lực, cây công nghiệp lâu năm (cà phê, hồ tiêu...) còn rất hạn chế, chủ yếu tự nhiên, nhờ trời. Vì vậy, việc áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nướcphục vụ sản xuất giúp nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với hạn hán, biến đổi khí hậu xảy ra ngày càng khắc nghiệt là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay cũng như trong thời gian tới.

**II.THỰC TRẠNG TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 mô hình quản lý khai thác công trình thủy lợi gồm:Công ty TNHH MTV QLKT Công trình Thủy lợi (Doanh nghiệp công ích); Ban quản lý Thủy nông huyện và Tổ hợp tác dùng nước, trong đó:

- Công ty TNHH MTV QLKT Công trình Thủy lợi Quảng Trị hoạt động theo hình thức doanh nghiệp nhà nước, được tổ chức quy mô và phân cấp rõ ràng từng thành viên, từng đơn vị nên đáp ứng được yêu cầu quản lý khai thác công trình thủy lợi;được UBND tỉnh giao nhiệm vụ quản lý các công trình thủy lợi trọng điểm của tỉnh; gồm 16 hồ chứa; 02 đập dâng; 29 trạm bơm vừa và nhỏ; 12 cống ngăn mặn, điều tiết, lấy nước, tiêu nước và hơn 700 km kênh mương. Nhiệm vụ chủ yếu của các công trình là cấp nước phục vụ tưới tiêu cho hơn 32.000 ha lúa của 08 huyện thị, chiếm gần 65% diện tích tưới tiêu trên toàn tỉnh.

- Ban quản lý thủy nông huyện: Mô hình này được thành lập ở hai huyện miền núi là Hướng Hóa và Đakrông.Hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, trong đó, cán bộ phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và các cán bộ phụ trách thủy lợi cấp xãkiêm nhiệm Ban quản lý Thủy nông huyện, dưới sự quản lý về mặt nhà nước của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.Ban quản lý Thủy nông huyện có trách nhiệm điều hành hành các tổ quản lý công trình thủy lợi tại các thôn, bản nhằm đảm bảo đồng bộ và nâng cao năng lực tưới, tiêu cho đồng bào miền núi và quản lý, điều phối nguồn thủy lợi phí cấp bù cho các công trình thủy lợi nhỏ độc lập trên địa bàn huyện.

- Các Tổ hợp tác dùng nước: Trên địa bàn tỉnh thành lập 353 tổ chức quản lý, khai thác với nhiều loại hình (Hợp tác xã, tổ hợp tác, Ban quản lý thủy nông, tổ đường nước…).

Hiện nay, một số loại hình quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng chưa phù hợp theo quy định của Luật Thủy lợi; năng lực, trình độ chưa đảm bảo, việc bảo vệ công trình và chất lượng nước trong công trình thủy lợi chưa được quan tâm, chưa thực sự phát huy được vai trò chủ thể của người sử dụng nước. Do đó, nhiều tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động chưa hiệu quả; nhiều loại hình tổ chức thủy lợi cơ sở tồn tại nên rất khó áp dụng một cách đồng bộ cơ chế chính sách hiện hành trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Phần lớn các tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động thiếu bền vững; năng lực của cán bộ quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu cả về tổ chức quản lý và kỹ thuật, phần lớn chưa được đào tạo một cách bài bản. Tài chính của tổ chức thủy lợi cơ sở rất khó khăn, khả năng thu được phí thủy lợi nội đồng rất thấp, đa số là không thu được. Công tác thủy lợi trong các hợp tác xã chưa được coi trọng, bị hòa lẫn vào các hoạt động khác, dẫn đến công tác quản lý cũng như tu sửa công trình thủy lợi ít được quan tâm cùng với việc thiếu kinh phí duy tu, sửa chữa, nạo vét, dẫn đến tình trạng công trình hư hỏng, ngày càng xuống cấp thêm.

**III. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THỦY LỢI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Tiêu chí thủy lợi là một trong những tiêu chí quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, là điều kiện để hỗ trợ trong thực hiện cáctiêu chí khác về nâng cao thu nhập... Tại  các địa phương trong tỉnh, tiêu chí thủy lợi đều được quan tâm thực hiện hiệu quả; đây là một trong những tiêu chí đầu tiên đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Theo kế hoạch đề ra, hàng năm các ngành, các cấp luôn quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi; nâng cao năng lực phòng chống, thiên tai để góp phần hoàn thiện tiêu chí thủy lợi nói chung và việc hoàn thiện bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 57/101 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 56,4%; số xã đạt chuẩn tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới là 92/101 xã, đạt tỷ lệ 91%. Các xã chưa đạt tiêu chíthủy lợi tập trung ở các xã miền núi, vùng ven biển do hệ thống công trình thủy lợi chưa được đầu tư hoàn thiện hoặc chưa có, do khó khăn về nguồn nước, địa hình phức tạp, diện tích gieo trồng manh mún, nhỏ lẻ.

Đối với huyện xây dựng nông thôn mới, tỉnh Quảng Trị có 07 huyện xây dựng nông thôn mới, đến nay có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Cam Lộ) và là huyện duy nhất đạt tiêu chí thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới.

**IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG**

**1. Giai đoạn 2000-2015**

Chương trình kiên cố hóa (KCH) kênh mương trên địa bàn tỉnh được thực hiện từ năm 2000 trên cơ sở các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh. Tổng số kênh mương trên địa bàn tỉnh là 2.125,8km, trong đó có 240,9km kênh mương loại I, 227,8km kênh loại II và 1.657,1km kênh loại III. Giai đoạn 2000-2015 đã kiên cố hóa được 1.070,6/2.128,8 km, đạt tỷ lệ 50,3%, trong đó:

- Kênh loại I đã KCH được 217,1/240,9 km, đạt tỷ lệ 90%;

- Kênh loại II đã KCH được 176,4/227,8km, đạt tỷ lệ 77,4%;

- Kênh loại III đã KCH được 667,1/1.657,1 km, đạt tỷ lệ 40%.

**2. Giai đoạn 2016-2020 (Thực hiện Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về Chương trình kiên cố hóa kênh mương)**

Tổng chiều dài kênh mương được kiên cố hóa giai đoạn 2016-2020 là 279,36/1.055,2km, đạt tỷ lệ gần 26.47% về chiều dài, trong đó:

- Kênh loại I là 4/4 km, đạt tỷ lệ 100%;

- Kênh loại II là 14,25/20 km, đạt tỷ lệ 71,2%;

- Kênh loại III là 261,11/1.031,2 km, đạt tỷ lệ 25,3%.

**3. Kết quả thực hiện kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2000-2020**

Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 1.339,96/2.128,8km được KCH, đạt tỷ lệ 63%, trong đó:

- Kênh loại I là 221,1/240,9 km, đạt tỷ lệ 91,8%;

- Kênh loại II là 190,65/227,8 km, đạt tỷ lệ 83,7%;

- Kênh loại III là 928,21/1.657,1 km đạt tỷ lệ 56,0%.

Mặc dù, kết quả thực hiện Chương trình KCHKMchưa đạt được theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, chương trình đã đạt được một số kết quả quan trọng góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi đảm bảo công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất và sinh hoạt như:

- Hệ thống kênh mương sau khi được kiên cố hóa đã hạn chế rò rỉ, tổn thất nước (tổn thất giảm khoảng 30%so với kênh đất)góp phần khai thác hiệu quả, tiết kiệm nguồn nước; tạo điều kiện thuận lợi và giảm chi phí trong công tác quản lý, vận hành (giảm 30% tiền điện đối với các trạm bơm điện, giảm 20% chi phí sửa chữa thường xuyên công trình, giảm chi phí nạo vét, phát dọn thường xuyên...); góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra (hạn hán, ngập úng...);

- Rút ngắn thời gian tưới luân phiên giữa các đợt tưới (trước đây thời gian luân phiên giữa các đợt tưới là 20-22 ngày/phiên tưới, sau khi kênh mương được kiên cố hóa kết hợp cùng với các giải pháp khác, thời gian luân phiên giảm còn 15-17 ngày/phiên tưới);

- Chủ động được nước tưới, đảm bảo gieo cấy theo đúng lịch khung thời vụ; tạo điều kiện chủ động trong việc thâm canh và đảm bảo canh tác làm 2 vụ lúa/năm;

- Hệ thống kênh mương hoàn chỉnh là điều kiện quan trọng, thuận lợi trong việc nghiên cứu giải pháp về quản lý, điều tiết cũng như để triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm;

- Ngoài những kết quả góp phần mang lại trong sản xuất, chương trình KCH kênh mương còn góp phần chỉnh trang bộ mặt nông thôn: Hệ thống kênh mương sau khi điều chỉnh gắn với quy hoạch, sắp xếp lại vùng sản xuất, kết hợp bờ kênh với các trục giao thông nội đồng, liên vùng thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân, tiết kiệm hàng chục ha diện tích đất xây dựng công trình; góp phần hoàn thiện tiêu chí thủy lợi trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**V. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Tồn tại, hạn chế**

- Kết quả thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương còn thấp, chưa đạt theo kế hoạch. Việc kiên cố hóa kênh mương chưa đồng bộ, toàn tỉnh hiện còn hơn 700 km kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa;

- Hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được đầu tư sớm từ những năm trước do đó còn bộc lộ một số bất cập; nhiều hệ thống chưa được đầu tư đồng bộ để đáp ứng yêu cầu sản xuất trong điều kiện mới;

- Việc ứng dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm vào sản xuất nông nghiệp chưa được triển khai rộng rãi và mang lại hiệu quả cao;

- Hệ thống công trình thủy lợi chủ yếu tập trung cung cấp nước cho cây lúa, phần lớn các cây trồng cạn chưa có tưới hoặc tưới bằng các biện pháp chưa phù hợp và lãng phí nước;

- Một số hệ thống, công trình, tuyến kênh có lượng tổn thất nước lớn trong quá trình dẫn nước từ công trình đầu mối đến mặt ruộng do rò rỉ, thấm, thẩm lậu qua kênh...;việc bồi lắng, sạt lở...dọc các tuyến kênh gây cản trở dòng chảy còn phổ biến;

- Công tác quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất định, đặc biệt các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

- Công tác duy trì bền vững tiêu chí thủy lợi trong xây dựng NTM còn hạn chế, chưa được chú trọng; chất lượng của các công trình thủy lợi sau khi đạt chuẩn ở một số địa phương đã có nhiều dấu hiệu xuống cấp.

**2. Nguyên nhân**

- Nguồn vốn để sửa chữa thường xuyên hàng năm, sửa chữa lớn còn thấp, đặc biệt là các công trình do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi quản lý;kinh phí đầu tư xây dựng công trình hạn chế nên nhiều công trình xây dựng chưa hoàn chỉnh và thiếu đồng bộ;

- Nguồn vốn bố trí hàng năm cho Chương trình kiên cố hóa kênh mương thấp, đặc biệt là vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, vốn vay ưu đãi không có;

- Các công trình thủy lợi nhỏ được đầu tư xây dựng vào thập kỷ 80, 90, chưa đồng bộ, chủ yếu tập trung kiên cố hóa cống lấy nước, tràn xả lũ, đập mái đất, hệ thống kênh mương chưa kiên cố hóa và không hoàn chỉnh;

- Hệ thống thủy lợi nội đồng chưa được xây dựng đồng bộ theo quy hoạch, kênh mương chủ yếu đi theo tuyến cũ thiếu tính tổng thể và hợp lý. Do đó, khi thực hiện dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn, vùng sản xuất tập không còn phù hợp dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, đầu tư thâm canh tăng năng suất cây trồng;chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp theo quy trình tiên tiến hoặc khó chuyển đổi khi thay đổi cơ cấu cây trồng;

- Do thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lụt bão nên các công trình vốn đã xuống cấp càng trở nên nghiêm trọng;

- Hệ thống kênh tiêu nội đồng chưa được chú trọng đầu tư xây dựng,các trục tiêu lâu ngày bị bồi lấp không được nạo vét làm giảm trữ lượng nước tạo nguồn tưới; ngập cục bộ những khu ruộng thấp khi mưa lớn;

- Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi cơ sở chưa qua trường lớp đào tạo, công tác quản lý vận hành công trình dựa vào kinh nghiệm thực tế; Lực lượng quản lý vận hành không ổn định, thay đổi thường xuyên hàng vụ, hàng năm;

- Chi phí đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm cho cây trồng cạn lớn nên các tổ chức thủy lợi cơ sở, người dân khó tiếp cận. Cơ chế chính sách hỗ trợ cho người dân để thúc đẩy ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho các loại cây trồng cạn chưa được quan tâm đúng mức;

- Quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, việc sắp xếp, bố trí khu vực, vùng sản xuất thiếu tính tập trung, khoa học gây khó khăn cho việc đầu tư đồng bộ hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

- Nhận thức của người dân trong việc áp dụng công nghệ, nhất là công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước chưa cao, chưa nhận thấy được hiệu quả của công nghệ tưới. Mặt khác công tác thông tin tuyên truyền về giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và việc chuyển giao công nghệ, đào tạo nâng cao nhận thức cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu.

**Phần III**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP**

**I. QUAN ĐIỂM**

Quá trình xây dựng và ban hành nghị quyết đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo sự công khai và minh bạch.

Nội dung chính sách tuân thủ quy định của Luật Thủy lợi,Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nướcvà các quy định khác của pháp luật khác có liên quan, trên cơ sở bám sát Quyết định số 1788/QĐ-BNN ngày 19/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn phục vụ tái cơ cấu ngành Thủy lợi và Quyết định số 4600/QĐ-BNN-TCTL ngày 13/11/2020của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng giai đoạn 2021-2025; phù hợp với tình hình thực tiễn và chủ trương, định hướng phát triển thủy lợi của địa phương.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Huy động tối đa các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nhằm nâng cao hiệu quả trong phục vụ sản xuất nông nghiệp; tưới, tiêu chủ động phục vụ các vùng chuyên canh cây trồng chủ lực, vùng sản xuất quy mô đáp ứng quy trình kỹ thuật canh tác nông nghiệp tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm,hiệu quả để nâng cao giá trị gia tăng, phát triển nông nghiệp bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

**2. Mục tiệu cụ thể**

***2.1.Phát triển hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng:***

- Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng nhằm đảm bảo tưới, tiêu chủ động; đảm bảo số lượng, chất lượng nước cho vùng chuyên canh lúa tập trung, vùng sản xuất tập trung, cánh đồng lớn, vùng phát triển cây trồng, con nuôi chủ lực, vùng chuyển đổi từ đất trồng lúa sang cây trồng cạn nhằm đáp ứng quy trình kỹ thuật canh tác, tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng các công trình tích trữ nước phục vụ cấp nước tại chỗ, vùng thiếu nguồn nước cục bộ; cấp nước, tiêu thoát nước nội đồng và trên 700km kênh mương nội đồng; san phẳng gần 1.000ha ruộng lúa để thuận tiện cho việc cấp nước tưới, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm và hướng đến chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp.

***2.2. Phát triển tưới tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm:***

- Áp dụng đồng bộ trên diện rộng các giải pháp tưới tiên tiến và tiết kiệm nước, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho các loại cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế cao như cây cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả và các loại cây trồng cạn khác; khuyến khích phát triển công nghệ chế tạo để sản xuất, cung cấp dịch vụ cho tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

- Hướng dẫn, đánh giá tình hình triển khai thực hiện, đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trong đó tập trung các nội dung sau:

+ Hoàn thiện, đề xuất hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá phục vụ phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

+ Hoàn thiện và đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích (tín dụng, thuế, nguồn vốn, chính sách khác) cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, sản xuất, cung ứng các vật tư, thiết bị, cấu kiện, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

+ Khuyến khích mô hình đối tác công - tư, xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý khai thác hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực; hỗ trợ đầu tư hạ tầng công trình thủy lợi tưới cho cây trồng cạn.

+ Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ sản xuất nông nghiệp tại các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Có chính sách tạo điều kiện tích tụ ruộng đất để sản xuất quy mô lớn.

Sau khi rà soát, trên địa bàn tỉnh có hơn 1.700ha cây cây công nghiệp, cây trồng cạn, trong đó có 142 ha cây cà phê; 662 ha cây hồ tiêu; 253 ha cây dược liệu và 643 ha cây ăn quả. Trong đó cầnhướng đến nghiên cứu một số vùng, diện tích phù hợp để hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đáp ứng yêu cầu phát trển nông nghiệp hiện tại và trong tương lai.

**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Giải pháp quy hoạch**

Trên cơ sở quy hoạch tỉnh được phê duyệt, tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy hoạch thực hiện về lĩnh vực thủy lợi đảm bảo tính tổng thể và đồng bộ. Trong đó, bên cạnh định hướng phục vụ đa mục tiêu, đa ngành nghề thì quy hoạch thủy lợi phải gắn liền với quy hoạch sản xuất nông nghiệp, quy hoạch nông thôn mới, đồng thời quy hoạch thủy lợi phải gắn với nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

Tăng cường quản lý, giám sát nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quy hoạch thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch được phê duyệt; kịp thời rà soát, cập nhật và có điều chỉnh quy hoạch để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

**2. Giải pháp tuyên truyền, vận động**

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt, phổ biến quan điểm của tỉnh về chủ trương định hướng, chính sách của nhà nước đối với việc đầu tư công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước, chuyển đổi đất lúa thiếu nước sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao.

- Biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet..) về các giải pháp tưới tiên tiến tiết kiệm nước, chuyển đổi đất lúa thiếu nước sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao.

- Đào tạo nâng cao trình độ cho người dân, hợp tác xã, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; có sử dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn.

**3. Giải pháp đầu tư xây dựng công trình để hoàn thiện hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

- Tập trung đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến tiết kiệm nước nhằm định hướng xây dựng, nâng cấp, cải tạo để phục vụ phương thức canh tác tiên tiến. Áp dụng thiết kế mẫu về kênh mương để giảm chi phí đầu tư.

- Huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước;trong đó, tập trung đầu tư xây dựng dứt điểm, hoàn chỉnh từng hệ thống để sớm phát huy hết năng lực thiết kế, tránh lãng phí.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nướccần ưu tiên những khu vực có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, các khu vực dồn điền, đổi thửa, chuyển đổi cây trồng; các xã đang phấn đấu về đích nông thôn mới; các khu vực cây trồng có giá trị kinh tế chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm của địa phương; các khu vực hạn hán, vùng khó khăn nguồn nước để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, giảm chi phí duy tu bảo dưỡng công trình gắn với phát triển giao thông nội đồng, chỉnh trang nông thôn yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng công trình thuỷ lợi nhỏ tập trung chủ yếu thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình hiện có trên địa bàn để phát huy hiệu quả công trình, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Đối với việc đầu tư xây dựng mới, cần rà soát, đánh giá cụ thể nguồn nước, diện tích tưới chủ động nước để đảm bảo tiêu chí nông thôn mới và phù hợp với quy hoạch.

- Chú trọng lồng ghép các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn vào chương trình đầu tư phát triển thuỷ lợi nói chung và hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nói riêng.

**4. Giải pháp về khoa học công nghệ**

- Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tưới, tiêu hiện đại, chế độ, quy trình tưới tiết kiệm nước đáp ứng các biện pháp canh tác tiên tiến, khoa học ứng với các giai đoạn sinh trưởng cho các loại cây trồng.

- Xây dựng và áp dụng các mô hình quản lý, khai thác công trình thủy lợi tiên tiến đáp ứng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện việc áp dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực thủy lợi. Tổ chức thực hiện và định kỳ đánh giá, kiểm tra kết quả.

**5. Giải pháp về chính sách hỗ trợ**

***5.1. Hỗ trợ đối với đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước:***

*a) Nội dung chính sách hỗ trợ:*

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình.

- Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ cụ thể như sau:

+Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, miền núi và vùng bãi ngang ven biển (xã khu vực II và III), mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/công trình.

+ Hỗ trợ 70% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với các xã còn lại, mức hỗ trợ tối đa 70 triệu đồng/công trình.

*b) Điều kiện hỗ trợ:*

- Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã.

-Công trình tích trữ nước đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 03 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

***5.2. Hỗ trợ đối với tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:***

*a) Nội dung chính sách hỗ trợ:*

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợtối đa 10 triệu đồng/ha.

*b) Điều kiện hỗ trợ:*

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng trên địa bàn tỉnh.

***5.3. Hỗ trợ đối với xây dựng cống và kiên cố kênh mương:***

*a) Nội dung chính sách hỗ trợ:*

- Hỗ trợ 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, miền núi và vùng bãi ngang ven biển (xã khu vực II và III), mức hỗ trợ tối đa 1.125 triệu đồng/km chiều dài kênh.

- Hỗ trợ 50% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình đối với các xã còn lại, mức hỗ trợ tối đa 550 triệu đồng/km chiều dài kênh.

- Nội dung hỗ trợ này không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

*b) Điều kiện hỗ trợ:*

- Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã.

- Hệ thống kênh mương đi qua địa hình có địa chất phức tạp, tổn thất nguồn nước lớn, vùng khó tưới, vùng cuối nguồn nước.

**IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

**1. Tổng kinh phí để thực hiện:**  **500.000 triệu đồng**.

- Ngân sách tỉnh: 254.150 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 245.850 triệu đồng.

**2. Dự kiến cơ cấu nguồn lực để thực hiện theo từng giai đoạn**

***1.1. Giai đoạn 2022-2026:* 58.000 triệu đồng.**

a) Ngân sách tỉnh: 29.650 triệu đồng.

-Ngân sách và nguồn lồng ghép từ các chương trình, dự án: 4.650 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 930 triệu đồng;

- Lồng ghép các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội: 10.000 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 2.000 triệu đồng.

- Kinh phí bố trí từ các nguồn vốn các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ xây dựng công trình thủy lợi tưới cho cây trồng cạn: 15.000 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 3.000 triệu đồng;

b)Ngân sách huyện: 28.350 triệu đồng.

+ Ngân sách cấp huyện (từ nguồn thu quỹ đất, vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung được giao, vốn lồng ghép các hương trình, dự án đầu tư, phát triển trên địa bàn...): 9.350 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 1.870 triệu đồng;

+Hỗ trợ giá dịch vụ công ích thủy lợi, đất trồng lúa: 15.000 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 3.000 triệu đồng;

+ Kinh phí bố trí từ các nguồn vốn các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hỗ trợ xây dựng công trình thủy lợi tưới cho cây trồng cạn: 4.000 triệu đồng, tương ứng mỗi năm bố trí 800 triệu đồng;

***1.2. Giai đoạn 2027-2030:* 94.100 triệu đồng.**

-Ngân sách tỉnh: 48.550 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 45.550 triệu đồng.

***1.3. Giai đoạn sau năm 2030:* 347.900 triệu đồng.**

- Ngân sách tỉnh: 175.950 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 171.950 triệu đồng.

**3. Nguồn lực thực hiện**

- Ngân sách Trung ương: Ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án; Ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp cho các địa phương khó khăn về ngân sách để thực hiện các chính sách.

- Ngân sách tỉnh, huyện, thành phố, thị xã

**Phần IV**

**HIỆU QUẢ MANG LẠI**

**I. HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ**

- Việc hoàn thiện hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào sản xuất nông nghiệp đem lại hiệu quả về nhiều mặt, giúp tăng năng suất cây trồng, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt góp phần khắc phục tình trạng thiếu nước sản xuất trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt tại địa phương.

- Biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước sẽ giảm thiểuthiệt hại khi xảy ra thiên tai, thời tiết bất lợi, nắng nóng, hạn hán kéo dài, mưa lớn ngập úng.

- Giúp người dân mạnh dạn chuyển đổi đất lúa thiếu nước sang các cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao hơn lúa, tận dụng tối đa quỹ đất sản xuất.

- Tạo điều kiện để đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

- Góp phần sử dụng một cách có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước… để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

**II. HIỆU QUẢ VỀ XÃ HỘI**

Thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn, góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân, động viên người dân an tâm sản xuất, tích cực xây dựng hoàn thành Chương trình mục tiêu Quốc gia nông thôn mới.

Góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, là điều kiện để tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Qua đó, nâng cao được năng lực của các cấp, chính quyền địa phương và cộng động, hộ gia định trong việc phát triển nông nghiệp bền vững.

**III. HIỆU QUẢ VỀ MÔI TRƯỜNG**

- Việc đầu tư hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi nhằm chống thất thoát nguồn nước, bảo vệ chất lượng nguồn nước, cung cấp nguồn nước kịp thời khi hạn hán, thiếu nước làm giảm thiểu nguồn nước bị ô nhiễm góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Việc áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước sẽ giảm ô nhiễm nhờ sử dụng hợp lý và tiết kiệm phân bón trong quá trình canh tác, sử dụng hiệu quả nguồn nước mặt, hạn chế cạn kiệt nguồn tài nguyên nước ngầm do khai thác quá mức cho phép.

- Giúp khai thác có hiệu quả nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường và lây lan dịch bệnh thông qua các giải pháp xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường qua hệ thống kênh tiêu.

**Phần V**

**KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. KẾT LUẬN**

Công tác Thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã phát triển đúng hướng, bám sát mục tiêu chung của ngành và của tỉnh đề ra, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đã trở thành động lực tích cực cho tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, cơ bản làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Tuy nhiên, vấn đề phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và việc ứng dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm phục vụ sản xuất còn nhiều tồn tại vướng mắc cần phải quan tâm giải quyết.

Việc xây dựng, ban hành quy định *“Mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”* là hết sức cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, hướng đến khai thác tối đa, hiệu quả tài nguyên nước phục vụ đa mục tiêu và các ngành nghề kinh tế khác (công nghiệp, du lịch và dịch vụ,...).

**II. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị HĐND tỉnh xem xét ban hành để các cấp, các ngành và các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện./.

**Phụ lục 1: Tổng nguồn lực thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị**  **tính** | **Số**  **lượng** | **Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)** | | |
| **Tổng**  **cộng** | **Ngân**  **sách tỉnh** | **Ngân sách**  **huyện** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | Công trình | 20 | 2.000 | 1.550 | 450 |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | Công trình | 1.700 | 68.000 | 37.400 | 30.600 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | ha | 1.000 | 10.000 | 5.200 | 4.800 |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | km | 730 | 420.000 | 210.000 | 210.000 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **500.000** | **254.150** | **245.850** |

**Phụ lục 2: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2026**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)** | | |
| **Tổng cộng** | **Ngân sách tỉnh** | **Ngân sách huyện** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | Công trình | 10 | 1.000 | 550 | 450 |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | ha | 200 | 8.000 | 4.400 | 3.600 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | ha | 500 | 5.000 | 2.700 | 2.300 |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | km | 70 | 44.000 | 22.000 | 22.000 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **58.000** | **29.650** | **28.350** |

**Phụ lục 3: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2026 phân theo từng năm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Năm 2022** | | **Năm 2023** | | **Năm 2024** | | **Năm 2025** | | **Năm 2026** | |
| **NS tỉnh** | **NS huyện** | **NS tỉnh** | **NS huyện** | **NS tỉnh** | **NS huyện** | **NS tỉnh** | **NS huyện** | **NS tỉnh** | **NS huyện** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | 110 | 90 | 110 | 90 | 110 | 90 | 110 | 90 | 110 | 90 |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | 880 | 720 | 880 | 720 | 880 | 720 | 880 | 720 | 880 | 720 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | 540 | 460 | 540 | 460 | 540 | 460 | 540 | 460 | 540 | 460 |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 | 4.400 |
|  | **Tổng cộng** | **5.930** | **5.670** | **5.930** | **5.670** | **5.930** | **5.670** | **5.930** | **5.670** | **5.930** | **5.670** |

**Phụ lục 4: Kinh phí thực hiện giai đoạn 2027-2030**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)** | | |
| **Tổng cộng** | **Ngân sách tỉnh** | **Ngân sách huyện** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | Công trình | 10 | 1.000 | 1.000 | - |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | ha | 400 | 16.000 | 9.000 | 7.000 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | ha | 500 | 5.000 | 2.500 | 2.500 |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | km | 120 | 72.100 | 36.050 | 36.050 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **94.100** | **48.550** | **45.550** |

**Phụ lục 5: Kinh phí thực hiện sau năm 2030**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)** | | |
| **Tổng cộng** | **Ngân sách tỉnh** | **Ngân sách huyện** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | Công trình | 0 | - | - | - |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | ha | 1.100 | 44.000 | 24.000 | 20.000 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | ha | 0 | - | - | - |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | km | 540 | 303.900 | 151.950 | 151.950 |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **347.900** | **175.950** | **171.950** |

**Phụ lục 6: Bảng tổng hợp khối lượng thực hiện theo các giai đoạn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | **Phân theo giai đoạn** | | |
| **2022-2026** | **Đến 2030** | **Sau 2030** |
| 1 | Đầu tư xây dựng công trình trữ nước | Công trình | 20 | 10 | 10 | - |
| 2 | Đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến tiết kiệm nước | ha | 1.700 | 200 | 400 | 1.100 |
| 3 | San phằng đồng ruộng | ha | 1.000 | 500 | 500 | - |
| 4 | Đầu tư xây dựng công, kiên cố hóa kênh mương | km | 730 | 70 | 120 | 540 |